

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN B  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: **109/2021/DSST**  
Ngày 17 tháng 11 năm 2021  
*V/v: Tranh chấp chia thừa kế*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Ngọc Long**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Đỗ Thị Sỹ Long**

2. Bà **Nguyễn Thị Thụy**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Thùy Linh**

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa.*

Bà **Bùi Mai Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2021/TL - DSST ngày 19 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp chia thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2021/QĐST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 298/QĐST-HPT ngày 16 tháng 8 năm 2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 311/2021/TB-TA ngày 13 tháng 10 năm 2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 207/2021/QĐTNPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2021 giữa:

\* Nguyên đơn:

- Ông **Nguyễn Duy H**, sinh năm 1962; Đăng ký hộ khẩu: Số K đường X, phường P, quận B, thành phố Hà Nội; (0914440660)

- Bà **Nguyễn Thị Chí H**, sinh năm 1967; Đăng ký hộ khẩu: Số Z đường X, phường P, quận B, thành phố Hà Nội;

- Bà **Nguyễn Thị Khắc H**, sinh năm 1970; Đăng ký hộ khẩu: Số K đường X, phường P, quận B, thành phố Hà Nội;

- Anh **Nguyễn Tuấn A**, sinh năm 1989; Đăng ký hộ khẩu: Số 17 P, phường T, quận B, thành phố Hà Nội;

- Anh **Nguyễn Huy H**, sinh năm 2001; Đăng ký hộ khẩu: Số K đường X, phường P, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, bà H, anh Tuấn A, anh H là ông Nguyễn Duy H, theo Biên bản xác nhận ủy quyền ngày 22/3/2021.

\* Bị đơn: Ông **Nguyễn Trọng H**, sinh năm 1964, Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Số K đường X, (nay là số 10, ngõ 41 phố P) phường P, quận B, thành phố Hà Nội. (0904668607 - 0904427400)

\* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Đào Bích T**, sinh năm 1970 (vợ ông H); anh **Nguyễn Trọng Đ**, sinh năm 1996 (con ông H); chị **Nguyễn Trà M**, sinh năm 1991 (con ông H); bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1962; chị **Trần T T**, sinh năm 1988. Cùng đăng ký hộ khẩu và cư trú: Số K đường X, (nay là số 10, ngõ 41 phố P) phường P, quận B, thành phố Hà Nội.

Bà Nguyễn Thị B và chị Trần T T ủy quyền cho ông Nguyễn Duy H theo Biên bản xác nhận ủy quyền ngày 18/5/2021.

+ **Ủy ban nhân dân phường P**; Địa chỉ trụ sở: Số 57 phố Nghĩa Dũng, phường P, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn H – Phó Chủ tịch UBND phường P. Có đơn xin vắng mặt;

+ **Ủy ban nhân dân quận B, thành phố Hà Nội**: Địa chỉ trụ sở: Số 25 Liễu Giai, phường Liễu Giai, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn H – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận B. Có đơn xin vắng mặt

(Ông H có mặt, ông H, bà T, anh Đ, chị M vắng mặt)

#### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\* Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 7 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Người đại diện của các đồng nguyên đơn - ông Nguyễn Duy H trình bày:*

Bố mẹ ông là cụ Nguyễn Công H (chết năm 1975) và cụ Ngô Thị B (chết năm 2010) hai cụ sinh được 06 người con: ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1962; ông Nguyễn Công H (chết năm 2006); bà Nguyễn Thị H (chết năm 2016); bà Nguyễn Thị Chí H, sinh năm 1967; bà Nguyễn Thị Khắc H, sinh năm 1970 và ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1964.

Năm 1975, bố ông chết không để lại di chúc. Năm 2006, mẹ ông có lập di chúc phân chia di sản thừa kế ngôi nhà số 10, ngõ 41 phố P, phường P, quận B, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 732154, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 2152/2005.QĐUB 2495.2005 do UBND quận B cấp ngày 25/11/2005 đứng tên bà Ngô Thị B với nội dung: “...Sau khi xem xét điều kiện kinh

*tế của các con. Nay tôi quyết định sau khi tôi qua đời thì toàn bộ ngôi nhà 44,80 m<sup>2</sup> sẽ được phân chia như sau: Con trai Nguyễn Công H được hưởng 1/4 diện tích nhà, đất tại số nhà trên; Con trai Nguyễn Duy H được hưởng 1/4 diện tích nhà, đất tại số nhà trên; Con trai Nguyễn Trọng H được hưởng 1/4 diện tích nhà, đất tại số nhà trên; Các con gái: Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Chí H và Nguyễn Thị Khắc H được hưởng chung 1/4 diện tích đất và nhà tại địa chỉ trên... ”. Văn bản di chúc được UBND phường P, quận B, thành phố Hà Nội chứng thực vào hồi 15 giờ ngày 20 tháng 01 năm 2006.*

Ngày 01 tháng 10 năm 2010, mẹ ông – cụ B chết (*giấy chứng tử số 81/2010; quyển số: II/PX ngày 05/11/2010*), những thành viên trong gia đình đã họp nhiều lần để phân chia di sản thừa kế theo di chúc của cụ B. Tuy nhiên ông Nguyễn Trọng H không đồng ý và chiếm dụng gần như toàn bộ ngôi nhà, những người thừa kế còn lại không được hưởng phần di sản thừa kế của mình.

Ngày 25 tháng 6 năm 2006, ông Nguyễn Công H, sinh năm 1958 chết (*giấy chứng tử số 64/2011; quyển số: III ngày 11/8/2011*); tại thời điểm mở thừa kế năm 2010, xác định con trai của ông H - anh Nguyễn Huy H là người thừa kế thế vị của ông H.

Ngày 12 tháng 3 năm 2016, bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960 chết (*Trích lục khai tử số 20/TLKT; ngày 14/3/2016*), người kế thừa quyền và nghĩa vụ hợp pháp của bà Hà - anh Nguyễn Tuấn A (con trai bà Hà).

Nay ông H, bà H, bà H, anh H, anh Tuấn A khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận B yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc của mẹ ông - cụ Ngô Thị B theo đúng quy định của pháp luật.

**\* Bị đơn ông Nguyễn Trọng H:**

Ông đã nhận thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhân dân quận B.

Ông xác nhận bố mẹ ông là cụ Nguyễn Công H (đã chết) và cụ Ngô Thị B (đã chết) sinh được 06 người con: ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1962; ông Nguyễn Công H (chết năm 2006); bà Nguyễn Thị H (chết năm 2016); bà Nguyễn Thị Chí H, sinh năm 1967; bà Nguyễn Thị Khắc H, sinh năm 1970 và ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1964.

Năm 1975, bố ông mất không để lại di chúc. Năm 2006, mẹ ông có lập di chúc phân chia di sản thừa kế ngôi nhà số 10, ngõ 41 phố P, phường P, quận B cho 06 người con. Văn bản di chúc đã được UBND phường P, quận B, thành phố Hà Nội xác nhận. Tuy nhiên, văn bản di chúc của mẹ ông chỉ được thực hiện khi anh em bán nhà và chia thừa kế bằng tiền.

Đối với yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn, ông không đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho ông.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** UBND phường P – Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn H (Phó Chủ tịch UBND phường) trình bày:

Ông đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về việc đưa người tham gia tố tụng; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định tạm ngừng phiên tòa của Tòa án nhân dân quận B để giải quyết vụ án dân sự giữa ông Nguyễn Duy H và các đồng nguyên đơn đối với ông Nguyễn Trọng H.

Thay mặt UBND phường P, ông đưa ra ý kiến đối với nội dung vụ án như sau: Đối với di sản thừa kế là nhà đất tại số 10, ngõ 41 phố P, phường P, quận B, hiện nay hiện nay có vợ chồng gia đình ông H và bà T cùng anh H, bà H, bà B đang cư trú. Quá trình quản lý, gia đình cụ B có coi nói một nhà tạm lợp tôn phía bên ngoài giáp với mặt ngõ 41 phố P với diện tích khoảng 10,7 m<sup>2</sup> làm nơi bán hàng tạp hóa không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay các đồng nguyên đơn khởi kiện chia thừa kế đối với nhà đất trên, về phần diện tích lấn chiếm nêu trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện nay do UBND phường P quản lý vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Do hiện nay ông bận công việc nên tôi không thể đến Tòa án để tham gia vụ án được, ông bảo lưu toàn bộ ý kiến như lời trình bày của UBND phường P, quận B gửi Tòa án. Vì vậy ông đề nghị Tòa án nhân dân quận B giải quyết vắng mặt ông trong các buổi làm việc tại Tòa án cũng như các phiên tòa xét xử sơ thẩm. Mọi quyết định của Tòa án ông hoàn toàn nhất trí.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** UBND quận B – Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn H (Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường) trình bày: Ông đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về việc đưa người tham gia tố tụng; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định tạm ngừng phiên tòa của Tòa án nhân dân quận B để giải quyết vụ án dân sự giữa ông Nguyễn Duy H và các đồng nguyên đơn đối với ông Nguyễn Trọng H. ông đề nghị Tòa án nhân dân quận B giải quyết vắng mặt ông trong các buổi làm việc tại Tòa án cũng như các phiên tòa xét xử sơ thẩm. Mọi quyết định của Tòa án ông hoàn toàn nhất trí.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của đương sự; Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ; Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo mở lại phiên tòa vào ngày 29 tháng 10 năm 2021.

Tuy nhiên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và không ủy quyền cho ai thay mặt mình tham gia tố tụng, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải cho các đương sự được.

**\* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, cụ thể:

- Về thẩm quyền: Theo qui định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ: Các đồng nguyên đơn do ông Nguyễn Duy H đại diện theo ủy quyền yêu cầu chia thừa kế tài sản là nhà đất tại số 10, ngõ 41 phố P, phường P, quận B. Bị đơn là Nguyễn Trọng H có hộ khẩu thường trú tại Số K đường X P, phường P, quận B. Như vậy, việc Tòa án nhân dân quận B thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách các đương sự: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tư cách người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tòa án tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương 14 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi về phiên tòa sơ thẩm:

+ Chấp hành đúng theo các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong việc nộp đơn khởi kiện, cung cấp tài liệu chứng cứ, nộp tạm ứng án phí và trình bày yêu cầu của mình. Chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, Điều 72, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

*Về nội dung:* Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn do ông Nguyễn Duy H làm đại diện theo ủy quyền yêu cầu chia di sản thừa kế là nhà đất tại số 10, ngõ 41 phố P, phường P, quận B là di sản thừa kế của cụ B cho những người Tộc hàng thừa kế thứ nhất còn lại tại thời điểm mở thừa kế bao gồm: ông Nguyễn Duy H; ông Nguyễn Công H (chết năm 2006); bà Nguyễn Thị H (chết năm 2016); bà Nguyễn Thị Chí H; bà Nguyễn Thị Khắc H và ông Nguyễn Trọng H theo quy định của pháp luật.

Án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí đối với giá trị tài sản mà mình được phân chia theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

Các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế nhà đất tại địa chỉ số 10, ngõ 41 phố P, phường P, quận B là di sản thừa kế của cụ Ngô Thị B. Hội đồng xét xử nhận thấy, đây là tranh chấp chia thừa kế được quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Trọng H có đăng ký hộ khẩu và cư trú tại Số K đường X P, phường P, quận B. Do vậy, các đồng nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đến Tòa án nhân dân quận B. Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận B thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Về thời hiệu người thừa kế yêu cầu chia di sản: Cụ Nguyễn Công H chết năm 1975 không để lại di chúc, cụ Ngô Thị B chết năm 2010. Căn cứ theo Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì “*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản*”. Tại phần 1 Giải đáp 01/GĐ-TANDTC năm 2018 có quy định đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 10/9/1990 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế, cụ thể là thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990. Căn cứ Điều 611 Bộ luật dân sự năm 2015, cụ Nguyễn Công H mất năm 1975 không để lại di chúc, cụ Ngô Thị B mất ngày 01 tháng 10 năm 2010. Do vậy, Hội

đồng xét xử xác định ngày 01 tháng 10 năm 2010 là ngày mở thừa kế. Ngày 22/7/2020, các đồng nguyên đơn có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân quận B, yêu cầu khởi kiện về việc chia di sản thừa kế của cụ Ngô Thị B nên yêu cầu của các đồng nguyên đơn còn thời hiệu khởi kiện.

Về sự vắng mặt của bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông H, bà T, anh Đ, chị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ 3 nH vắng mặt không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét.

[2] Về nội dung:

- Về nguồn gốc đất tại số 10, ngõ 41 phố P, phường P, quận B, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND quận B, ký ngày 25/11/2005 đứng tên bà Ngô Thị B.

Theo ông Nguyễn Duy H trình bày, do thời gian đã lâu, gia đình không còn giữ giấy đăng ký kết hôn của cụ Nguyễn Công H và cụ Ngô Thị B. Ông H cũng đã làm đơn trình bày để xin cấp lại đăng ký kết hôn của cụ Huệ và cụ B tại UBND phường P. Tuy nhiên, UBND phường P xác nhận không tìm thấy đăng ký kết hôn của của Huệ và cụ B. Hội đồng xét xử nhận thấy, cụ Huệ và cụ B chung sống với nhau thực tế và có giấy khai sinh năm 1962 của ông Nguyễn Duy H là con chung của hai cụ. Theo tinh thần của Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình. Xác định quan hệ giữa cụ Huệ và cụ B là hôn nhân thực tế. Như vậy, quan hệ hôn nhân của cụ Huệ và cụ B được xác lập khoảng trước năm 1962.

Tòa án nhân dân quận B đã tiến hành T tập chứng cứ tại UBND quận B, hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Trong đơn xin xác nhận nguồn gốc sử dụng nhà ở, đất ở gửi UBND phường P của cụ Ngô Thị B có nội dung: *“Hiện nay gia đình tôi đang quản lý và sử dụng nhà - đất có diện tích 50m<sup>2</sup> ở tại số nhà 23 đường 10 P - B; Có thời gian sử dụng như sau: nhà ở; Tôi là Ngô Thị B mua của Sở tài chính năm 1955 sử dụng đến nay, do thời gian lâu lựt nên giấy tờ bị thất lạc gia đình tôi ăn ở ổn định từ đó đến nay không có tranh chấp”*. Như vậy, tại thời điểm năm 1955, gia đình cụ B mua của Sở tài chính nhà đất nêu trên. Đến năm 2005, cụ B mới làm thủ tục hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà đất trên và đến năm 2005 UBND quận B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ B. Căn cứ Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 quy định: *“Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới”*. Vì vậy,

Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định nhà đất tại địa chỉ số 10, ngõ 41 phố P, phường P, quận B là tài sản chung vợ chồng của cụ Nguyễn Công H và cụ Ngô Thị B.

Cụ Nguyễn Công H chết năm 1975 không để lại di chúc. Căn cứ theo Điều 16, Điều 29 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 quy định: “*Khi một bên chết trước, nếu tài sản của vợ chồng cần chia, thì chia theo quy định ở Điều 29. Vợ và chồng đều có quyền thừa kế tài sản chung của nhau*”; “*Khi ly hôn, việc chia tài sản sẽ căn cứ vào sự đóng góp về công sức của mỗi bên, vào tình hình tài sản và tình hình cụ thể của gia đình. Lao động trong gia đình được kể như lao động sản xuất*”. Tại thời điểm cụ Huệ chết, các con của cụ Huệ và cụ B còn nhỏ, cụ B là người trực tiếp nuôi dưỡng các con và là người trực tiếp trông nom, quản lý tài sản chung của vợ chồng. Vì vậy, khi chia tài sản chung vợ chồng xác định cụ B được hưởng 2/3 và cụ Huệ được hưởng 1/3 tài sản chung của vợ chồng là nhà đất tại số 10, ngõ 41 phố P, phường P, quận B với diện tích 44,80 m<sup>2</sup>. Cụ thể: Cụ Huệ được chia 1/3 diện tích nhà đất là: 14,93 m<sup>2</sup>; cụ B được chia:  $2/3 = 29,87$  m<sup>2</sup>.

Năm 1975 cụ Huệ chết (có xác nhận mai táng tại thông Trúc Cầu, xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh H Yên) và không để lại di chúc nên di sản thừa kế của cụ sẽ được chia theo pháp luật. Vì vậy, xác định di sản thừa kế của cụ Huệ là 14,93 m<sup>2</sup> đất tại số 10, ngõ 41 phố P, phường P, quận B và hàng thừa kế thứ nhất gồm có: cụ Ngô Thị B (vợ cụ Huệ) và 06 người con là: Nguyễn Công H, Nguyễn Duy H, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Chí H và Nguyễn Thị Khắc H. Xác định cụ B, ông H, ông H, ông H, bà Hà, bà H và bà H mỗi người được hưởng một kỷ phần của cụ Huệ là:  $14,93 \text{ m}^2 : 7 = 2,13 \text{ m}^2$ .

Ngày 01 tháng 10 năm 2010 cụ Ngô Thị B chết có để lại bản di chúc đề ngày 05 tháng 01 năm 2006 với nội dung:

“.....Sau khi xem xét điều kiện kinh tế của các con. Nay tôi quyết định sau khi tôi qua đời thì toàn bộ ngôi nhà 44,80 m<sup>2</sup> sẽ được phân chia như sau:

1. Con trai: Nguyễn Công H được hưởng 1/4 diện tích nhà, đất tại số nhà trên;
2. Con trai: Nguyễn Duy H được hưởng 1/4 diện tích nhà, đất tại số nhà trên;
3. Con trai: Nguyễn Trọng H được hưởng 1/4 diện tích nhà, đất tại số nhà trên;
4. Các con gái: Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Chí H và Nguyễn Thị Khắc H được hưởng chung 1/4 diện tích đất và nhà tại địa chỉ trên.

Trên đây là phân chia di sản cho các con tôi. Sau này nếu ai không có nhu cầu sử dụng thì 06 (sáu) người con có tên trên phải họp bàn với nhau để thống nhất chuyển nhượng cho nhau trên cơ sở anh chị em ruột thịt, không gây khó khăn cho nhau.

Sau khi tôi qua đời về phần nghĩa vụ và người thực hiện nội dung nghĩa vụ tôi quyết định:



*Giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất và ngôi nhà cho con trai tôi là Nguyễn Duy H, khi nào cần chuyển nhượng thì H đem ra để làm thủ tục với anh chị em có liên quan và chính quyền địa phương nơi ở”;*

*Sau khi tôi mất các con phải có trách nhiệm thờ cúng tổ tiên, chồng tôi và tôi theo phong tục, duy trì đoàn kết anh em, họ hàng, khối phố.*

*Đây là bản di chúc tôi soạn T ra trong lúc tôi hoàn toàn khỏe mạnh và minh mẫn, tỉnh táo không ai ép buộc tôi về ý trí, trước sự chứng kiến của 2 người làm chứng và người viết hộ.”*

- Về mặt hình thức của bản di chúc: Căn cứ Điều 656 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về di chúc bằng văn bản có người làm chứng: *“Trong trường hợp người lập di chúc không thể tự mình viết bản di chúc thì có thể nhờ người khác viết, nH phải có ít nhất hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký tên hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc. Việc lập di chúc phải tuân theo quy định tại Điều 653 và Điều 654 của Bộ luật này”*. Hội đồng xét xử nhận thấy, bản di chúc của cụ Ngô Thị B được bà Lương Thị Tuệ viết hộ; cụ B là người ký tên “B và ghi rõ họ tên Ngô Thị B”, có 02 người làm chứng là tổ phó tổ 20 phường P bà Trần Thị Lý và tổ trưởng tổ 20 phường P ông Dương Xuân Cường làm chứng và đã được UBND phường P, quận B chứng thực. Vì vậy, bản di chúc của cụ B đã đáp ứng đúng quy định về mặt hình thức của di chúc lập bằng văn bản.

- Về nội dung của bản di chúc: Căn cứ Điều 653 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về nội dung di chúc. Hội đồng xét xử thấy trong phần nội dung của bản di chúc có nội dung: *“Di sản để lại là 01 nhà cấp bốn có diện tích 44,80 m<sup>2</sup>; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H. 2152/2005.QĐUB 2495.2005 Hồ sơ gốc ngày 25/11/2005 do ông Bùi Văn Thông ký....”*. Tuy nhiên trên thực tế thì di sản thừa kế cụ B để lại là 29,87 m<sup>2</sup> (chia tài sản chung với cụ Huệ) và 2,13 m<sup>2</sup> kỷ phần (được chia thừa kế của cụ Huệ), tổng cộng di sản thừa kế của cụ B để lại là: 32 m<sup>2</sup>. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của các đồng nguyên đơn.

- Về hàng thừa kế: Căn cứ vào bản di chúc của cụ B, cụ có 06 người con là ông Nguyễn Duy H; ông Nguyễn Công H (chết năm 2006); bà Nguyễn Thị H (chết năm 2016); bà Nguyễn Thị Chí H; bà Nguyễn Thị Khắc H và ông Nguyễn Trọng H. Do ông Nguyễn Công H chết năm 2006 trước thời điểm cụ B chết và bà Nguyễn Thị H chết năm 2016 sau thời điểm cụ B chết nên xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông H và bà Hà như sau:

- Đối với ông Nguyễn Công H có vợ là bà Nguyễn Thị B và có 01 con trai là anh Nguyễn Huy H, ông H không có con riêng, con nuôi nào khác. Ông H và bà Nguyễn Thị B đã ly hôn theo Quyết định công nhận Tận tình ly hôn số 21 ngày 09/3/1993 của Tòa án nhân dân quận B. Thời điểm mở thừa kế được xác định là ngày 01/10/2010. Vì vậy, xác định anh Nguyễn Huy H là thừa kế thế vị của ông H. Do ông H chết ngày 25 tháng 6 năm 2006 trước thời điểm ngày 01 tháng 10 năm 2010 cụ B chết, cụ B để lại di chúc ngày 05/01/2006 cho ông H được được 1/4 di sản thừa kế. Tuy nhiên, thừa kế thế vị chỉ được hưởng thừa kế theo pháp luật. Vì vậy, phần di sản thừa kế cụ B chia cho ông H bị vô hiệu, do vậy phần di sản này sẽ được chia đều cho các đồng thừa kế của ông H nên anh H là người được thừa kế 1 phần di sản chia cho ông H.

- Đối với hàng thừa kế của bà Nguyễn Thị H: Bà Hà có 01 con trai là anh Nguyễn Tuấn A, ngoài ra bà Hà không có nuôi nào khác. Tòa án đã tiến hành ghi lời khai của Nguyễn Thế Dũng là bố đẻ của anh Nguyễn Tuấn A trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị H có quen biết nhau vào khoảng năm 1986. Sau một thời gian quen biết, ông và bà Hà có quan hệ tình cảm với nhau và có một con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1989. Ông khẳng định ông và bà Hà không có đăng ký kết hôn. Sau khi bà Hà sinh cháu Tuấn A thì cháu Tuấn A ở với bà Hà, đến năm cháu Tuấn A được khoảng 02 tuổi ông có đón cháu Tuấn A về ở với ông. Thực tế, ông và bà Hà không chung sống với nhau, thi thoảng hai bên có liên lạc với nhau. Nay đối với yêu cầu chia thừa kế của ông Nguyễn Duy H và các đồng nguyên đơn đối với nhà đất tại số 10, ngõ 41 phố P, phường P, quận B. Ông khẳng định ông không có liên quan đến vụ án trên. Đề nghị Tòa án không đưa ông tham gia tố tụng. Ông xin vắng mặt trong các buổi làm việc tại Tòa án cũng như trong các giai đoạn tố tụng của Tòa án. Ngoài ra, ông không có yêu cầu hay đề nghị gì khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Hà là anh Nguyễn Tuấn A.

Nhà đất tại địa chỉ số 10, ngõ 41 phố P, phường P, quận B, thành phố Hà Nội hiện nay có vợ chồng gia đình ông H và bà T cùng anh H, bà H, bà B đang cư trú. Quá trình quản lý, gia đình cụ B có coi nói lợp mái tôn phía bên ngoài giáp với mặt đường ngõ 41 phố P với diện tích 10,7 m<sup>2</sup> làm nơi bán hàng tạp hóa không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại biên bản xem xét thẩm định ngày 05/5/2021 có xác nhận của UBND phường P xác định phần diện tích 10,7 m<sup>2</sup> coi nói là đất lấn chiếm do UBND phường P quản lý. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét chia thừa kế đối với phần diện tích này mà kiến nghị UBND phường P; UBND quận B xử lý theo quy định của pháp luật.

[3] Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định những người được hưởng thừa kế của cụ B theo di chúc tại thời điểm mở thừa kế bao gồm: ông H, ông H, anh H, bà H, bà H, anh Tuấn A. Trong đó, ông H, ông H, anh H mỗi người được hưởng 1 kỷ phần và bà H, bà H, anh Tuấn A được hưởng chung 1 kỷ phần. Cụ thể: mỗi kỷ phần là  $32\text{m}^2 : 4 = 8\text{m}^2$ .

Căn cứ theo di chúc của cụ Ngô Thị B đề ngày 05 tháng 01 năm 2006, Hội đồng xét xử chấp nhận và phân chia cụ thể như sau:

- Đối với phần di sản thừa kế chia cho ông Nguyễn Công H bị vô hiệu nên phần di sản này sẽ được chia theo pháp luật cho các đồng thừa kế cụ thể:  $8\text{m}^2 : 6 = 1,33\text{m}^2$ . Anh Nguyễn Huy H là người thừa kế thế vị của ông H được nhận di sản thừa kế là:  $1,33\text{m}^2$ ;

- Ông H được hưởng  $1/4$  di sản thừa kế là:  $8\text{m}^2 + 1,33\text{m}^2 = 9,33\text{m}^2$ ;

- Ông H được hưởng  $1/4$  di sản thừa kế là:  $8\text{m}^2 + 1,33\text{m}^2 = 9,33\text{m}^2$ ;

- Bà Nguyễn Thị H (chết năm 2016) - Người thừa kế là anh Nguyễn Tuấn A; bà Nguyễn Thị Chí H; bà Nguyễn Thị Khắc H được hưởng chung  $1/4$  di sản thừa kế là:  $32\text{m}^2 : 4 = 8\text{m}^2$ . Cụ thể mỗi người được hưởng:  $2,67 + 1,33\text{m}^2 = 4\text{m}^2$

Sau khi chia di sản thừa kế của cụ Huệ và cụ B, những người thừa kế được hưởng phần thừa kế như sau:

- Ông Nguyễn Duy H được hưởng:  $9,33\text{m}^2 + 2,13\text{m}^2 = 11,46\text{m}^2$ ;

- Anh Nguyễn Huy H thừa kế thế vị của ông Nguyễn Công H được hưởng:  $1,33\text{m}^2 + 2,13\text{m}^2 = 3,46\text{m}^2$ ;

- Ông Nguyễn Trọng H được hưởng:  $9,33\text{m}^2 + 2,13\text{m}^2 = 11,46\text{m}^2$ ;

- Bà Nguyễn Thị H (chết năm 2016) - Người thừa kế là anh Nguyễn Tuấn A; bà Nguyễn Thị Chí H; bà Nguyễn Thị Khắc H mỗi người được hưởng:  $4\text{m}^2 + 2,13\text{m}^2 = 6,13\text{m}^2$ .

Căn cứ theo theo kết quả định giá của Hội đồng định giá UBND quận B ngày 09/6/2021 xác định giá trị đất tại số 10, ngõ 41 phố P, phường P, quận B, thành phố Hà Nội theo quy định Nhà nước có giá trị là 701.568.000 đồng và giá thực tế giao dịch là 3.136.000.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn xác định giá trị nhà đất là giá đất của Nhà nước quy định cộng giá đất giao dịch thực tế tại thời điểm định giá chia đôi là:  $701.568.000 + 3.136.000.000 : 2 = 1.918.784.000$  đồng/ $44,8\text{m}^2$ , cụ thể: 42.830.000 đồng/ $1\text{m}^2$ .

Do di sản thừa kế sau khi chia cho những người thừa kế bằng hiện vật có diện tích quá nhỏ không đủ để tách thửa và làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như không dùng để sử dụng được. Vì vậy, phải chia di sản thừa kế nêu trên bằng giá trị (tiền) để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Duy H được hưởng: 490.831.800 đồng;
- Anh Nguyễn Huy H được hưởng: 148.191.800 đồng;
- Ông Nguyễn Trọng H được hưởng: 490.831.800 đồng;
- Anh Nguyễn Tuấn A; bà Nguyễn Thị Chí H; bà Nguyễn Thị Khắc H mỗi người được hưởng: 262.547.900 đồng.

Anh H, anh Tuấn A, bà Nguyễn Thị Chí H, bà Nguyễn Thị Khắc H đều thống nhất đồng ý giao lại phần di sản thừa kế cho ông H quản lý sử dụng và để thờ cúng ông bà tổ tiên và nhận kỷ phần bằng tiền cho các anh chị em. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cho ông Nguyễn Duy H được quản lý, sử dụng nhà đất tại số 10, ngõ 41 phố P, phường P, quận B, thành phố Hà Nội là phù hợp với nguyện vọng của cụ B khi còn sống muốn ông H quản lý, sử dụng để làm nơi thờ cúng. Ông Nguyễn Duy H có trách nhiệm thanh toán bằng tiền cho các đồng thừa kế cụ thể:

- Ông H có trách nhiệm thanh toán cho anh H số tiền: 148.191.800 đồng;
- Ông H có trách nhiệm thanh toán cho ông H số tiền: 490.831.800 đồng;
- Ông H có trách nhiệm thanh toán cho anh Tuấn A; bà H; bà H mỗi người số tiền: 262.547.900 đồng.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản tranh chấp nguyên đơn tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 buộc các đương sự phải chịu án phí đối với trị giá tài sản mà mình được phân chia theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

- Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;
- Vì các căn cứ nhận định trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 653, 654, 656 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 611, 612, 613, 616, 618, 620, 623, 649, 650, 651, 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 5, 125, 166, 167 và Điều 170 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Giải đáp 01/GĐ-TANDTC năm 2018; Điều 36 của Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình; Điều 16, Điều 29 của Luật Hôn nhân và gia đình 1959;

Căn cứ khoản 7 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn: ông Nguyễn Duy H, bà Nguyễn Thị Chí H, bà Nguyễn Thị Khắc H, anh Nguyễn Tuấn A, anh Nguyễn Huy H về việc chia di sản thừa kế là nhà đất tại số 10, ngõ 41 phố P, phường P, quận B, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 732154, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 2152/2005.QĐUB 2495.2005 do UBND quận B cấp ngày 25/11/2005 đứng tên bà Ngô Thị B;

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Công H và cụ Ngô Thị B là: ông Nguyễn Công H (người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông H: anh Nguyễn Huy H); ông Nguyễn Duy H; ông Nguyễn Trọng H; bà Nguyễn Thị H (người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Hà: anh Nguyễn Tuấn A); bà Nguyễn Thị Chí H; bà Nguyễn Thị Khắc H.

- Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Công H và cụ Ngô Thị B là: nhà đất tại số 10, ngõ 41 phố P, phường P, quận B, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 732154, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 2152/2005.QĐUB 2495.2005 do UBND quận B cấp ngày 25/11/2005 đứng tên bà Ngô Thị B;

**2.** Thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Công H là ngày 10 tháng 9 năm 1990; thời điểm mở thừa kế của cụ Ngô Thị B là ngày 01 tháng 10 năm 2010;

Giao cho ông Nguyễn Duy H toàn bộ diện tích nhà đất tại số 10, ngõ 41 phố P, phường P, quận B, thành phố Hà Nội và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

AB 732154, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 2152/2005.QĐUB 2495.2005 do UBND quận B cấp ngày 25/11/2005 đứng tên bà Ngô Thị B có giá trị là 1.918.784.000 (*một tỷ, chín trăm mười tám triệu, bảy trăm tám tư nghìn*) đồng;

Ông Nguyễn Duy H phải thanh toán cho các hàng thừa kế cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Duy H có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Huy H số tiền: 148.191.800 (*Một trăm bốn mươi tám triệu, một trăm chín mươi một nghìn, tám trăm*) đồng;

- Ông Nguyễn Duy H có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Trọng H số tiền: 490.831.800 (*Bốn trăm chín mươi triệu, tám trăm ba mươi một nghìn, tám trăm*) đồng;

- Ông Nguyễn Duy H có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Tuấn A; bà Nguyễn Thị Chí H; bà Nguyễn Thị Khắc H mỗi người số tiền: 262.547.900 (*Hai trăm sáu mươi hai triệu, năm trăm bốn mươi bảy nghìn, chín trăm*) đồng.

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để hoàn thiện thủ tục đăng ký biến động đất đai theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị UBND phường P và UBND quận B xử lý diện tích 10,7 m<sup>2</sup> lấn chiếm không nằm trong diện tích giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại nhà đất số 10, ngõ 41 phố P, phường P, quận B, thành phố Hà Nội là đất lấn chiếm do UBND phường P quản lý.

**3.** Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

#### **4. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Ông Nguyễn Duy H phải chịu: 23.633.272 (*Hai mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn, hai trăm bảy mươi hai*) đồng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai T tiền tạm ứng án phí số 01301 ngày 19 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội. Ông Nguyễn Duy H còn phải nộp: 23.333.272 (*Hai mươi ba triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, hai trăm bảy hai nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Ông Nguyễn Trọng H phải chịu: 23.633.272 (*Hai mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn, hai trăm bảy mươi hai*) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Anh Nguyễn Huy H phải chịu: 7.409.590 (*Bảy triệu, bốn trăm linh chín nghìn, năm trăm chín mươi*) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Anh Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Thị Chí H, bà Nguyễn Thị Khắc H mỗi người phải chịu: 13.127.395 (*Mười ba triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi lăm*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B và chị Trần T T có mặt tại phiên tòa là ông Nguyễn Duy H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày 17 tháng 11 năm 2021; Bị đơn; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B;
- Chi cục THA dân sự quận B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Long